TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2022
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng;

Ông Ninh Văn Tỉnh.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 740/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 783/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị N, trú tại: Thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2022 và các bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị N và anh Bùi Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 và có tổ chức đám cưới và chứng kiến của hai bên gia đình nhưng không đăng ký

kết hôn. Chị và anh H chung sống với nhau tại thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng bình thường. Quá trình chung sống đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H không tu chí, chơi bời bài bạc và sử dụng ma túy đá. Chị và gia đình đã khuyên can nhưng anh H không thay đổi cách sống, anh H đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Số 2 thành phố Hải Phòng. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh H nhiều lần đánh chị. Năm 2016 chị đi làm ăn xa và sống ly thân với anh H từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị N đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Bùi Văn H. Về con chung: Chị N trình bày chị và anh H có 02 con chung là Bùi Long N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1997 và Bùi Khánh L, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2010, hiện Bùi Long N đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị N không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị đề nghị được nuôi con Bùi Khánh L và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn H đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến tòa án để giải quyết việc chị N xin ly hôn anh nên không có lời khai của anh Bùi Văn H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Phạm Thị N đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Bùi Văn H không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Bùi Văn H; về con chung: Chị N và anh H có 02 chung là Bùi Long N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1997 đã trưởng thành và Bùi Khánh L, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2010; giao cho chị N nuôi con Bùi Khánh L, tạm hoãn việc anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Bùi Văn H. Bị đơn anh Bùi Văn H có nơi cư trú tại thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N và anh Bùi Văn H.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Bùi Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 tại thôn T, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống với nhau đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H chơi bời và nghiện ma túy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, cán bộ tư pháp cung cấp tại sổ đăng ký kết hôn gốc lưu giữ từ năm 1996 đến nay không thể hiện có tên anh Bùi Văn H và chị Phạm Thị N. Căn cứ vào các tài liệu xác minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xác định chị Phạm Thị N và anh Bùi Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh H: Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Bùi Văn H.

[4] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Bùi Long N, sinh ngày 30 tháng 01 năm 1997 đã trưởng thành và Bùi Khánh L, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2010. Chị đề nghị được nuôi con Bùi Khánh L và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị N có việc làm, có thu nhập và có nơi ở cùng bố mẹ chị đảm bảo điều kiện nuôi con, cháu Bùi Khánh L đã trên 7 tuổi có đơn đề nghị được ở với

chị N nên Hội đồng xét xử giao con Bùi Khánh L cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc anh Bùi Văn H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 và các điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao con Bùi Khánh L, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2010 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Bùi Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị N đã nộp là 300.000đ đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001271 ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị N và anh Bùi Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn